

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Giang Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh C; nơi cư trú: Số 207 đường CB, phường CB, quận HA, Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn TH; nơi cư trú: Số 207 đường CB, phường CB, quận HA, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị Minh C trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn TH trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 15/10/2008.

Từ khi kết hôn, để thuận tiện trong công việc và sinh hoạt, hai anh chị về ở cùng nhà mẹ đẻ chị C tại số 207 đường CB, phường CB, quận HA, Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị chỉ hạnh phúc một thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống chung, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, anh TH còn thiếu trách nhiệm, không chăm lo đến gia đình, vợ con; nợ nần kinh tế nhiều người. Chị C đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa hai anh chị trở lên trầm trọng từ khoảng năm năm trở lại đây; cả hai cũng đã sống ly thân trong suốt thời gian trên, không ai quan tâm đến ai. Nhiều lần chị C đề cập đến vấn đề ly hôn nhưng anh TH không đồng ý, anh vẫn muốn duy trì hôn nhân như hiện tại, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai ảnh hưởng đến ai. Thực tế, anh chị đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, bản thân chị C xác nhận không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Văn TH để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung Trần HA, sinh ngày 07/4/2012 và Trần HN, sinh ngày 17/12/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung đến khi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị C xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị C, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh TH để làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống cũng như ý kiến của cá nhân anh đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh TH đều vắng mặt. Vì vậy, không có quan điểm của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và C cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Phạm Thị Minh C là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn TH cư trú tại địa chỉ: Số 207 đường CB, phường CB, quận HA, Hải Phòng; do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Minh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Văn TH mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh TH tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên C cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh C và anh Trần Văn TH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng vào năm 2008. Như vậy, việc kết hôn giữa chị C và anh TH tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác minh mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh TH, thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh và kéo dài nhiều năm nay; nguyên nhân là do bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống chung. Về phía anh TH là người thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Gia đình và hàng xóm xung quanh đều xác nhận anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm nay, ngày càng trở lên trầm trọng, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế.

Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh TH để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tiến hành hòa giải, tuy nhiên anh TH đều vắng mặt không có lý do; có thể thấy TH không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị C; cũng không mong muốn vợ chồng hòa giải, đoàn tụ. Chị C xác nhận bản thân không còn tình cảm, không tiếp tục muốn duy trì cuộc sống hôn nhân do quá áp lực. Tòa án đã để thời gian để hai bên có thể hòa giải nhưng không có kết quả; cả hai anh chị đều không có biện pháp để cải thiện cũng như thay đổi tình trạng mâu thuẫn hiện tại. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh TH đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn do đó theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị C là có C cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị C và anh TH có hai con chung Trần HA, sinh ngày 07/4/2012 và Trần HN, sinh ngày 17/12/2013. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Mọi sinh hoạt thường ngày cũng như việc học tập của các cháu đều do chị C trực tiếp chăm sóc; bản thân chị có nơi cư trú ổn định; điều kiện kinh tế cũng như thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện; tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của các con chung cần giao cả hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

C cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; các điều 147, 238 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Minh C được ly hôn anh Trần Văn TH.

- Về con chung:

Giao hai con chung Trần HA, sinh ngày 07/4/2012 và Trần HN, sinh ngày 17/12/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về án phí:

Chị Phạm Thị Minh C phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị C đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu số 0004562 ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Chị C, anh TH có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An, HP
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Cường

